

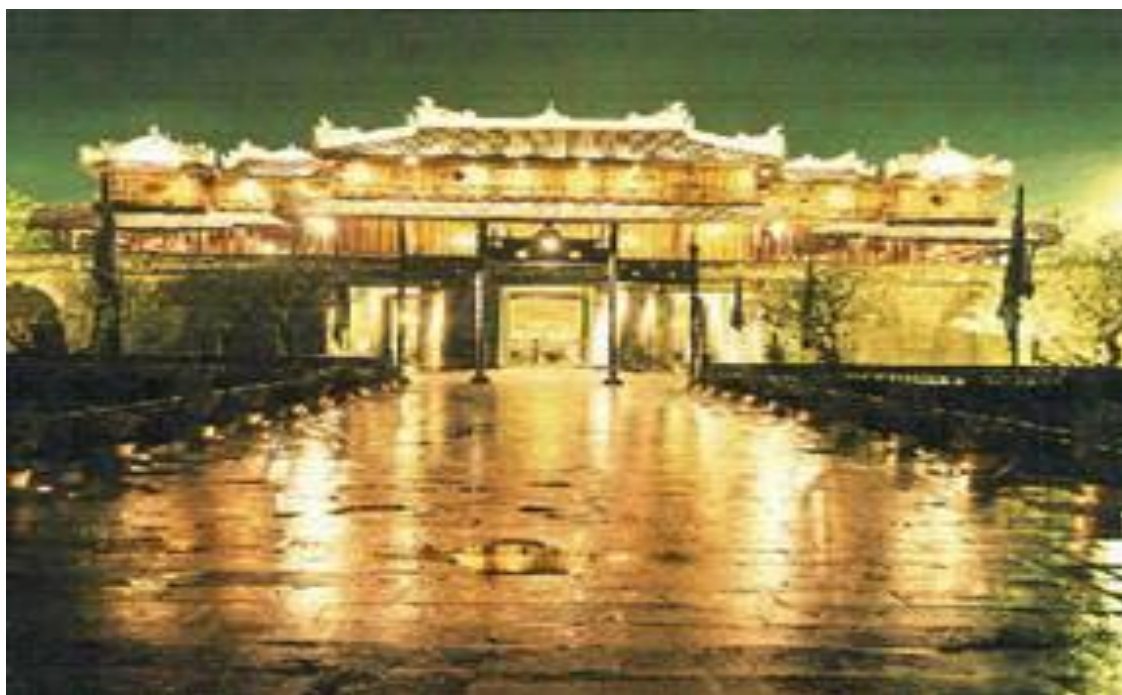
Mấy Lần Thất Thủ Kinh Đô

Võ Hương An

Tặng những người Huế 30 năm xa xứ (1975-2005)

Ất Dậu, 1885;

Ất Dậu, 2005.



Tròn hai hoa giáp xoay vòng, 120 năm chẵn, một trăm hai mươi năm không phải chỉ một lần mất Huế. Mỗi lần như thế, đều lưu lại một dấu ấn văn hóa riêng, làm cho Huế không lẫn với “ai” khác được.

Nhớ "Về Thất thủ Kinh đô"

Cách nay 120 năm, nửa đêm 22 tháng Năm năm Ất Dậu quan tướng Tôn Thất Thuyết ra lệnh nổ súng vào Tòa Khâm Sứ Pháp ở bên kia bờ sông Hương, và đồn Mang Cá ở phía đông bắc Kinh thành, nghĩ rằng sẽ mở đầu một trận phục thù, đánh cho quân Pháp manh giáp không còn, giành lại

quyền tự chủ. Ai hay lực bất tòng tâm, sáng ngày 23 (5/7/1885), quân Pháp phản công dữ dội, kinh đô thất thủ, quân chết như rạ [1], dân chết như củi, triều đình tứ tán, vua Hàm Nghi ở ngôi chưa ấm chỗ đã phải xuất bôn, ba năm rày đây mai đó trong vùng rừng núi Quảng Bình-Hà Tĩnh, cầm đầu cuộc kháng chiến Cần Vương không kết quả.

Những gì sử sách ghi chép không gây xúc động trong lòng tôi cho bằng đọc *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn Nhược Thị [2] và nghe mẹ Mi nói về *Thất thủ Kinh đô*, dù đó chỉ là kinh đô ngoại sử, nhưng tình cảm thì xoáy vào lòng người. Mẹ Mi, người đàn bà mù, sống cô đơn trong túp lều tranh sau lưng lâu ông Hoàng tùng đệ [3], ngày ngày chân đất áo dài vá chằm vá đụp, lang thang khắp chốn kinh thành, nói về Thất thủ Kinh đô, về Cô Thông Tầm . . . để kiếm vài xu sống qua ngày. Mẹ ngoại tôi và mẹ tôi thuộc lòng nhiều đoạn của bài vè, vậy mà mỗi lần nghe mẹ Mi gõ cặp sanh cầm nhịp và cất tiếng khàn khàn kể chuyện kinh đô khói lửa, vẫn không cảm được nước mắt. Cái biến cố đó đau thương quá, người ta không phải chỉ chết vì tên bay đạn lạc, mà còn chết vì chen nhau chạy loạn, xéo lên nhau lấy đường mà chạy, đạp lên nhau mà chết. Ông già bà cả kể chuyện rằng có người ôm tráp của mà chạy, bị xô đẩy, tráp của rơi xuống, tiếc của đứt ruột, vừa cúi xuống lượm thì bị sóng người ở sau phủ tới, và chết với của..

Từ đó cứ mỗi tháng Năm (âm lịch), từ mồng mười trở đi, hầu như ngày nào đi đâu trong thành phố cũng có thể ngửi thấy hương thơm của nhang trầm và mùi khen khét của vàng mã đốt cháy phảng phất trong gió. Cả thành phố cùng giỗ 23 tháng Năm. Triều đình có giỗ của triều đình [4], địa phương có lễ cúng của địa phương. Nhiều địa phương hình

thành những tập thể gọi là *Phổ Hăm ba tháng Năm*, hàng năm đóng góp tiền bạc để tổ chức lễ cúng cô hồn một cách trọng thể.

Mạ tôi tuy đã có chân trong *Phổ Hăm ba tháng Năm* của xóm, nhưng, cũng như nhiều gia đình khác trong xóm trong phường, đến ngày 23 vẫn bày bàn trước ngõ, bên lề đường để cúng cô hồn; lễ vật đơn sơ nhưng cần thiết với người chạy loạn: cháo loãng (cháo thánh) để húp nhanh cho đỡ đói, gạo muối để làm lương thực đi đường, và ghè nước chè xanh, kèm theo cái gáo dừa với mấy cái tô sành cho bà con đỡ khát. Hương thắp suốt ngày, đến tối mịt mới đốt vàng mã, gồm rất nhiều áo binh, giấy tiền và giấy vàng bạc. Người ta không phải chỉ cúng giỗ trong một ngày hăm ba tháng Năm; người ta cúng lai rai từ mùng mười trở đi cho đến hết tháng. Không đâu trên đất nước lại có lễ giỗ tập thể lạ lùng như thế như ở Huế.

Chuyện một chiếc cầu đã gãy [5]

Một người bạn Huế lập nghiệp ở Sài Gòn, khi gặp lại tôi sau biến cố Tết Mậu Thân, 1968, đã hỏi tôi rằng, “Anh đã nghe bài hát *Chuyện một chiếc cầu đã gãy* của Trầm Tử Thiêng chưa? Anh biết không, khi nghe tin cầu Trường Tiền bị giật sập, tôi buồn ngơ ngẩn như mất một cái chi rất gắn bó với mình. Đến khi nghe bài hát của Trầm Tử Thiêng, tôi không khóc mà ứa nước mắt. Nó đâu phải chỉ là một cây cầu, nó là Huế của mình.”

Ôi chao! Một người đàn ông Huế chảy nước mắt cho Huế khi xa xứ mà ngó về quê hương điêu linh, vậy thì có lạ chi mà tôi và mẹ ngoại tôi khóc cho kinh đô thất thủ, dù chỉ nghe kể lại bằng lời về mộc mạc.

Trước đó 22 năm (1946) cầu Trường Tiền cũng đã bị hy sinh một cách vô lối cùng với một số cung điện trong Hoàng thành vào một đêm lạnh tháng Chạp tây, trong chủ trương tiêu thổ kháng chiến chống xâm lược Pháp. Nhưng chiếc cầu gãy lần đó hầu như không để lại một ấn tượng u ám nào trong lòng người cố đô. Nó khác với lần gãy gục thứ hai, về mặt tác động tâm lý.

Chuyện thất thủ kinh đô lần thứ nhất chỉ xảy ra trong một ngày. Chuyện tang tóc đổ nát trên Huế 83 năm sau đó kéo dài cả tháng trời trong cảnh u ám của trời đất với mưa phùn lạnh lẽo, đêm cũng như ngày. Thời Tây chiếm kinh đô, thảm cảnh chỉ diễn ra trong Thành Nội với mấy cửa thành phía đông, phía tây và phía bắc vì nghẽn dân chạy loạn; vùng phụ cận Huế vẫn yên tĩnh. Lính và dân chết nhiều vì tên bay đạn lạc, vì đập lên nhau mà chạy, nhưng chỉ có hoảng sợ mà chưa thấy bóng hận thù. **Mậu Thân** thì khác. Ngoài 10 phường trong Thành Nội, thì Tả Ngạn, Hữu Ngạn sông Hương cũng cùng chung số phận. Nếu đem chuyện thất thủ đời xưa ra sánh với chuyện thất thủ thời nay thì thiệt hại tài sản và sinh mạng phải nhân lên mấy lần. Hơn năm ngàn sinh mạng đã ra đi trong oan khiên và tức tưởi bằng tiếng cắc bụp giữa đêm khuya, bằng đầu cuốc, sổng rựa đập xuống trên đầu trên trốt, không kịp kêu cha kêu mẹ, ới vợ, ới con.

Từ sau vụ phát giác những mồ chôn tập thể trong khu vực phía sau trường Trung học Gia Hội và chùa Áo Vàng, cả thành phố như lâm vào cảnh hậu địa chấn với những toán người trang bị cuốc thuổng lang thang núi này, bãi kia, đồng nọ để đào bới tìm kiếm thân nhân. Như Nguyễn Nhược Thị xưa kia, Nhã Ca đã viết *Giải khăn sớ cho Huế* cho cả và thiên hạ và con cháu mai sau cùng hay, nhưng vẫn chưa nói hết

niềm đau và nổi mắt mát, kinh hoàng, của lần thất thủ kinh đô thứ hai này.

Xem ra, vết thương do Tây làm ra không độc cho bằng người cùng dòng máu. Già trăm năm trước, cụ Nguyễn Du đã viết câu *Đống xương vô định đã cao bằng đầu* để bình luận về sự nghiệp của Từ Hải. Tưởng rằng đó chỉ là chuyện thơ phú văn chương, mãi đến khi bước chân vào trường tiểu học Bảng Lãng để xem thành tích Khe Đá Mài mới thấy *đống xương vô định đã cao bằng đầu* là cái chi rất thực, rất cụ thể, khỏi phải tưởng tượng xa gần chi cả. Thiệt thấy mà rùng mình [6].

Ngày xưa, thất thủ cũng có chết chóc và đổ nát, nhưng lòng người dân vẫn gắn bó cố đô, chưa ai đành lòng bỏ đi. Sau Mậu Thân thì tinh thần và tình cảm bắt đầu lung lay. Khi trật tự vẫn hồi, tôi nhận ra bạn bè, bà con có người rời Huế từ bao giờ không hay. Họ bỏ Huế đi luôn, để định cư một nơi khác an toàn hơn, mà mình cứ tưởng như họ đi chơi, đi mua hàng, đi thăm bà con ở Sài Gòn, như họ vẫn thường đi. Họ sợ chi? Mỗi người mỗi hoàn cảnh, khó mà trả lời một cách chính xác, nhưng họ giống nhau ở một điểm là sợ cái màn ngày đi trình diện, tưởng chỉ vài tiếng đồng hồ “làm việc” rồi về, ai ngờ thiên thu vĩnh biệt, không biết nơi mô mà chấp mã; họ sợ những vụ xử không phiên tòa, của người anh em, vốn ưa khử lằm hơn bỏ sót.

Yên yên đâu chừng được bốn năm thì tới ngày phượng nở ve kêu 1972, có tên thường gọi là *Mùa hè đỏ lửa* [7]. Cô thành Quảng Trị thất thủ. Làn sóng đồng bào Quảng Trị sau khi quét qua Đại lộ Kinh hoàng đã biến thành đợt sóng thần, cuốn dân Huế vô Đà Nẵng ào ạt hồi hải, sợ rằng chậm chân thì chết. Trong khi dòng người ngày đêm bương bả vượt đèo Hải Vân bằng mọi phương tiện, kể cả xe cày và xe bò, đi bộ,

và xe ba gác, thì tôi và anh bạn mỗi người một chiếc Honda, từ Đà Nẵng ngược đường ra Huế để cống ông già vào, bởi ông không chịu đi theo gia đình người bạn mà tôi đã tin cậy gói gắm, mà nhất định chờ cho được thằng con trai đích thân đem xe ra rước. Ông cụ có biết đâu rằng lúc đó có xe hơi mười bánh cũng không đi Huế được, vì sóng kinh hoàng đã ngập đường rồi; chỉ có xe gắn máy mới lạng lách được thôi! Hôm trước cháy chợ Đông Ba. Có người nói, *cháy chợ thì chợ chạy*, nhưng có người cãi lại, *tầm bậy, chợ cháy thì chạy chợ (chứ)*, nên người ta cứ mạnh ai nấy chạy, chạy không ngóai đầu ngó lui. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được cái không khí của một thành phố chết là chuyến về Huế bằng xe Honda lần đó. Đường sá vắng tanh, phố xá, nhà cửa, hàng quán, đều cửa đóng im ỉm. Mình đi trong thành phố quê hương mà e dè, rờn rợn như đi giữa miền đất lạ. Nhưng tiền hung mà hậu cát, rồi sóng gió qua đi, dân Huế lại lục tục vượt đèo Hải Vân trở về. Tuy chỉ là một lần sứt nữa thì thất thủ, nhưng dân Huế lại môn đi, bởi những điều mắt thấy hoặc tai nghe về *Đại lộ Kinh hoàng* rùng rợn quá, họ không muốn rơi vào cái bẫy sập đó như đồng bào Quảng Trị đã mắc, thôi thì cao chạy xa bay càng sớm càng tốt. Nhưng có đi xa lắm thì người Huế bỏ xứ lúc đó cũng chỉ tới Sài Gòn. Không một ai, kể cả người có tiền, nghĩ rằng họ có thể đi xa hơn . . .

Mùa Xuân năm đó, 1975

Tết Năm Kỷ Mão, 1975, nhằm ngày 11 tháng 2 năm 1975. Ăn Tết được hơn một tháng thì đã nghe “động chiến phong” Đến giữa tháng Ba thì Huế cùng người anh em Quảng Trị tái diễn cảnh di tản của mùa hè đỏ lửa 72, ban đầu còn ở mức đô thấp, rồi bỗng lên cơn hồi hả khi có tin đồn ngày 23 tháng 3 đường đèo sẽ bị cắt. Huế chính thức thất thủ ngày 26 tháng 3, nhưng thực ra Huế đã mất trong bỏ ngõ khi

quân đội rút về Thuận An. Nỗi mừng đại gia đình đoàn tụ toàn vẹn ở Đà Nẵng chưa kịp lên men thì ba ngày sau Đà Nẵng cũng buông tay cho sáu nuốt.

Trong khi vợ bụng mang dạ chửa, một nách ba đứa con đại với vạn nỗi âu lo, thì tôi cùng hàng vạn người khác lên núi học làm người tốt.

*Ngày đi, tre chữa mọc măng,
Ngày về măng đã mấy lần thành tre.*

Phải hơn một năm sau khi trở về trần tôi mới được phép về thăm lại Huế xưa, nhìn lại ngôi nhà thời thơ ấu, dãy mớ cỏ mọc hỗn trên nấm mộ ông bà già.. Hai người em gái thấy lại ông anh khác xưa nhiều quá, òa lên khóc. Tôi cười, “Khóc chi mà khóc, qua bao sóng gió mà còn được thấy mặt anh em như ri là quý rồi.” Tôi thấy ngôi nhà cũ kỹ điêu tàn hơn, mấy gốc cây quen thuộc trở thành lạ lẫm, bởi chúng không còn trẻ trung như ngày tôi thấy lần cuối, chúng trở thành trung niên hay bô lão mất rồi, nhất là cái gốc hồng trứng mà tôi đã bỏ nhiều công chăm sóc.

Ở một nơi vốn ra đường không gặp học trò thì cũng gặp bà con hay bạn bè, người quen biết, vậy mà trong ba ngày liền, ra đường chẳng thấy ai là cố nhân; mãi cho đến ngày thứ năm mới tình cờ gặp lại chàng họ Trương, giáo sư Sử Địa, ở dốc cầu Bến Ngự. Hai đứa bỏ ngõ nhìn nhau. Câu chào sau mấy năm không chộ mặt là “mình mất dạy mấy năm ni rồi.”. Thầy giáo mà “mất dạy” thì đường cùng rồi, vì đất trời đâu còn chỗ để *thối vi sư*! Tìm tới nhà thăm người bạn cũ, hai đứa đã từng đóng vai rể phụ cho nhau năm xưa, thì gặp một ông lão tóc trắng như cước ra chào vồn vã. Cũng may lão không để râu nên tôi mới nhận ra đó là bạn mình. Ngắm cái đầu bạc của bạn, không khỏi gật gù mỉm cười, “Ta ở trong bạc đầu còn có lý, người ở ngoài mà cũng đầu bạc là răng?”

Bạn bè , người quen như lá mùa thu. Sau lần thất thủ kinh đô thứ ba này, người ta đành đoạn bỏ Huế mà đi, thí thân liều mạng mà đi, cầm bằng tù tội và sóng gió đại dương là canh bạc đen đũi của cuộc đời mà thôi. Cái điều trước đó không hề có ai nghĩ tới là liệu có đi đến nơi nào xa hơn Sài Gòn hay không, thì nay họ quyết đi xa hơn cả hải trình Kha Luân Bố đi tìm tân thế giới, họ cả gan vượt Thái Bình Dương, chứ Đại Tây Dương thì sá chi!

Bước qua năm 1990, lại một đợt ra đi khác của Huế, dân HO. Từ HO-1 đến HO-7 còn thấy lai rai năm bảy gia đình, qua HO-8 và HO-9 thì phải gọi là HO-Huế. Trong mỗi đợt vô ra Sài Gòn lập thủ tục, nào phỏng vấn, nào chích ngừa, bầu đoàn thể tử của họ chiếm trọn một hai toa tàu xuyên Việt, là thường. Đây là những chuyến đi có kèn có trống, nghĩa là có chén rượu già từ hay đưa tiễn, chứ không phải chun bụi lũi bờ như mấy năm trước, thiệt là hết rồi cơn bỉ cực, thiệt là có ông trời ngó lại.

Mới đó mà đã ba mươi năm xa Huế. Ngày xưa, nàng Kiều xa nhà, xa người yêu chỉ có mười lăm năm mà còn được Tiên Điền tiền bối hạ cho một câu rằng *Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình*, huống chi ta xa những ba mươi năm, phải không, hỏi những người Huế ra đi từ độ 75 xa xôi đó? Những chú bé oa oa năm ấy, nay đã ở cái tuổi tam thập nhi lập, đang vững vàng bước đi trên quê hương mới, lòng không vướng một chút mây mờ của quá khứ **thất thủ kinh đô**, dù xa hay gần. Những cô bé cùng tuổi thì nay hẳn đã tay bằng tay dắt mà sức đua tranh có kém chi trai. Rất nhiều, rất nhiều cuộc đời cũ được tái tạo khởi sắc, rất nhiều rất nhiều cuộc đời mới đang hăm hở tiến về phía trước. Tất

cả giống nhau ở chỗ sợi dây rốn chưa cắt, vẫn còn NHỚ HUẾ.

Võ Hương-An

[1] Trong trận đánh này quân Pháp chỉ chết 18 người, bị thương 80, còn quân Việt thì chết lên số ngàn (Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Q.2, Paris, 1987, tr. 324), chưa kể thường dân.

[2] Bà tên thật là Nguyễn Thị Bích (1830-1909), con quan Bô Chánh Nguyễn Nhuận San, có văn tài, học thức, nên được tuyển vào cung từ đầu đời Tự Đức. Đến đời Thành Thái được phong làm Tam giai Lễ Tân. Người ta xem bà như là thư ký riêng của Hoàng Thái hậu Từ Dũ. Hạnh Thục Ca là hồi ký về biến cố thất thủ kinh đô mà bà là nhân chứng.

[3] Hoàng thân Vĩnh Cán, em họ vua Bảo Đại.

[4] Năm 1894, đời Thành Thái, một đàn Âm hồn được lập ở khu Lý Thiện gần cửa Quảng Đức (khu Cầu Đất ngày nay) để tế tướng sĩ và dân chúng chết trong ngày thất thủ Kinh đô. Một quan Võ cao cấp đứng chủ tế, với lễ tam sanh (heo, bò, dê) xôi chè, hương, đèn, trà, cau, trầu, rượu, vàng mã.

[5] Tên một nhạc phẩm của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng.

[6] Trong khi rút lui, VC đã dẫn theo hàng trăm người bị bắt trong khu Phủ Cam-Từ Đàm lên núi, tất cả đều bị trói bằng dây điện thoại. Đến khu vực khe Đá Mài, tất cả đều bị hạ sát bằng súng máy, xác vất xuống khe. Vụ này được phát hiện năm 1969, thời Đại tá Lê Văn Thân làm Tỉnh trưởng.

[7] Tên cuốn bút ký chiến tranh nổi tiếng của nhà văn Phan Nhật Nam.

Gửi lên: Lê-Thụy-Chi

Ngày 3/8/2016

www.vietnamvanhien.net